

Người ký: Nguyễn Thị Thu Hương
Ngày ký: 16/01/2025 14:41:18
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Sa Đéc - Đồng
Tháp
Nội dung: Đã hoàn thành thanh
toán

Mẫu số 16c1
Ký hiệu C4-02a/KB

Số: CKNB05XP/ 250116_1065489_0662001

ỦY NHIỆM CHỈ

Chuyển khoản ☒

Tiền mặt KB ☐

Tiền mặt NH ☐

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2025

Đơn vị trả tiền: Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc
Địa chỉ: Tôn Thất Tùng, K3, P. 1, TP Sa Đéc, Đồng Tháp
Tại Kho bạc Nhà nước: KBNN Sa Đéc - Đồng Tháp
Tài khoản: 3713.0.1065489.94007
Mã nhà tài trợ:

Nội dung thanh toán	Mã nguồn NS	Niên độ NS	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
CK tiền thu nhập tăng thêm năm 2024 cho CBVC trạm y tế	00		112.871.000
Tổng cộng			112.871.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Trung Tâm Y Tế Thành Phố Sa Đéc
Địa chỉ: Tôn Thất Tùng, K3, P. 1, TP Sa Đéc, Đồng Tháp
Tài khoản: 6920196471
Tại Kho bạc Nhà nước (NH): BIDV Sa Đéc - PGD Nguyễn Sinh Sắc
Hoặc người nhận tiền:
Số CMND:

PHẦN KBNN GHI

Nợ TK

Có TK

Cấp ngày:

Nơi cấp:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người ký: Nguyễn Thị Thu Hương
Ngày ký: 16/01/2025 09:19:19
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Sa Đéc - Đồng
Tháp

Nguyễn Thị Thu
Hương

Người ký: Lê Xuân Vinh
Ngày ký: 16/01/2025 09:54:21
Chức danh: Phó giám đốc
Đơn vị: KBNN Sa Đéc - Đồng
Tháp

Lê Xuân Vinh

Ngày ... tháng ... năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi họ tên)

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Ngày 16 tháng 01 năm 2025

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Chủ tài khoản

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Võ Phương Linh
Ngày ký: 16/01/2025 07:43:56
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trung tâm Y tế thành phố Sa
Đéc

Nguyễn Võ Phương
Linh

Người ký: Nguyễn Văn Hai
Ngày ký: 16/01/2025 07:49:45
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc

Nguyễn Văn Hai

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số Năm Ngân sách 2025)

Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung Tâm Y Tế Thành Phố Sa Đéc

Thanh toán trực tiếp: ☐

Mã đơn vị: 1065489

Tạm ứng: ☐

Mã nguồn: 00

Thu hồi tạm ứng: ☐

Mã CTMTQG, Dự án ODA:

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày /tháng /năm	Số	Ngày /tháng /năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11=8*10)
					6400	130-131				112.871.000
1			CKNB05 XP	15/01/2025	6449	CK tiền thu nhập tăng thêm năm 2024 cho CBVC trạm y tế				112.871.000
						Cộng tiểu mục 6449				112.871.000
Tổng số tiền bằng số:										112.871.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn đồng chẵn

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng

Số thanh toán:

Kế toán trưởng

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Võ Phương Linh

..... Ngày 15 tháng 01 năm 2025

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Hai

DANH SÁCH NHẬN TIỀN THU NHẬP TĂNG THÊM
NĂM 2024

STT	Họ và tên	Số tiền/tháng	Số tháng	Mức hưởng (%)	Thành tiền	Đã nhận	Trừ ứng	Còn lại	Ghi chú
	TYT P1		91,0		19.474.000	0	0	19.474.000	
1	Nguyễn Thế Hiển	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
2	Nguyễn Thị Kim Hằng	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
3	Lâm Trương Lan Phương	214.000	4,5	100%	963.000			963.000	
4	Nguyễn Lê Thành Đạt	214.000	7,5	100%	1.605.000			1.605.000	
5	Trương Thị Mộng Tuyền	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
6	Huỳnh T Diễm Phương	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
7	Bùi Lê Quỳnh	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
8	Nguyễn Tuấn Lợi	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
9	Lê Thị Minh Nguyệt	214.000	7	100%	1.498.000			1.498.000	
	TYT P2		89,0		46.369.000	0	0	46.369.000	
1	Đinh Hoàng Sơn	521.000	12	100%	6.252.000			6.252.000	
2	Bùi Thị Thu Trang	521.000	12	100%	6.252.000			6.252.000	
3	Nguyễn Ngọc Hà	521.000	12	100%	6.252.000			6.252.000	
4	Ngô Thị Tuệ	521.000	12	100%	6.252.000			6.252.000	
5	Nguyễn Huỳnh Thiên Hương	521.000	12	100%	6.252.000			6.252.000	
6	Trần Anh Kiều	521.000	8	100%	4.168.000			4.168.000	
7	Phan Thị Tường Vi	521.000	9	100%	4.689.000			4.689.000	
8	Lý Thị Diệu Hiền	521.000	7	100%	3.647.000			3.647.000	

STT	Họ và tên	Số tiền/tháng	Số tháng	Mức hưởng (%)	Thành tiền	Đã nhận	Trừ ứng	Còn lại	Ghi chú
9	Nguyễn Thị Xuân Phương	521.000	5	100%	2.605.000			2.605.000	
	TYT P3		96,0		7.320.000	0	0	7.320.000	
1	Nguyễn Thị Lành	76.250	12	100%	915.000			915.000	
2	Nguyễn Phương Thanh	76.250	12	100%	915.000			915.000	
3	Phan Thị Hồng Nhung	76.250	12	100%	915.000			915.000	
4	Phạm Thị Mỹ Phương	76.250	12	100%	915.000			915.000	
5	Nguyễn Đăng Khoa	76.250	12	100%	915.000			915.000	
6	Nguyễn Thị Thái Phương	76.250	12	100%	915.000			915.000	
7	Ngô Văn Quý	76.250	12	100%	915.000			915.000	
8	Võ Yến Nhi	76.250	12	100%	915.000			915.000	
	TYT P4		78,0		16.692.000	0	0	16.692.000	
1	Mai Hoàng Đại Hải	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
2	Nguyễn Trần Thu Diễm	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
3	Phạm Thị Bình	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
4	Nguyễn Trí Thanh	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
5	Ngô Hữu Toàn	214.000	6	100%	1.284.000			1.284.000	
6	Nguyễn Văn Hòa	214.000	12	100%	2.568.000			2.568.000	
7	Hồ Thị Trúc Mai	214.000	7	100%	1.498.000			1.498.000	
8	Nguyễn Thị Cẩm Lan	214.000	5	100%	1.070.000			1.070.000	
	TYT TQĐ		96		1.530.000	0	0	1.530.000	
1	Mai Tấn Sĩ	17.000	12	100%	204.000			204.000	
2	Nguyễn Thanh Sĩ	17.000	12	100%	204.000			204.000	
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	17.000	12	100%	204.000			204.000	
4	Lê Thị Tuyết Vân	17.000	12	100%	204.000			204.000	
5	Trần Thị Kiều Oanh	17.000	5	100%	85.000			85.000	

STT	Họ và tên	Số tiền/tháng	Số tháng	Mức hưởng (%)	Thành tiền	Đã nhận	Trừ ứng	Còn lại	Ghi chú
6	Huỳnh Thanh Tròn	17.000	12	100%	204.000			204.000	
7	Nguyễn Hoàng Hiếu	17.000	12	50%	102.000			102.000	
8	Huỳnh Thanh Thúy	17.000	7	100%	119.000			119.000	
9	Nguyễn Minh Tàu	17.000	12	100%	204.000			204.000	
	TYT TQT		88,0		5.192.000	0	0	5.192.000	
1	Lê Văn Hơ	59.000	12	100%	708.000			708.000	
2	Tăng Kim Duyên	59.000	4	100%	236.000			236.000	
3	Dương Thanh Hùng	59.000	8	100%	472.000			472.000	
4	Huỳnh Cẩm Phước	59.000	12	100%	708.000			708.000	
5	Ngô Thanh Hòa	59.000	12	100%	708.000			708.000	
6	Phan Thị Mịch	59.000	12	100%	708.000			708.000	
7	Nguyễn Thị Mai	59.000	12	100%	708.000			708.000	
8	Lê Minh Phương	59.000	6	100%	354.000			354.000	
9	Võ Thị Giàu	59.000	10	100%	590.000			590.000	
	TYT TPĐ		107,0		11.770.000	0	0	11.770.000	
1	Huỳnh Thị Kim Phượng	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	
2	Võ Thị Hồng Việt	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	
3	Dương Thị Ngọc Châu	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	
4	Nguyễn Thị Kim Kha	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	
5	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	110.000	9,5	100%	1.045.000			1.045.000	
6	Nguyễn Ánh Ngọc	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	
7	Hà Thanh Tùng	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	
8	Nguyễn Thị Bích Phương	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	
9	Lê Thị Minh Nguyệt	110.000	1,5	100%	165.000			165.000	
10	Lê Thị Hết	110.000	12	100%	1.320.000			1.320.000	

STT	Họ và tên	Số tiền/tháng	Số tháng	Mức hưởng (%)	Thành tiền	Đã nhận	Trừ ứng	Còn lại	Ghi chú
	TYT TKĐ		87,0		4.524.000	0	0	4.524.000	
1	Phan Thị Hồng Thắm	52.000	12	100%	624.000			624.000	
2	Dương Thanh Hùng	52.000	4	100%	208.000			208.000	
3	Lê Thị Ngọc Tươi	52.000	7	100%	364.000			364.000	
4	Tăng Kim Duyên	52.000	8	100%	416.000			416.000	
5	Nguyễn Thanh Vũ	52.000	12	100%	624.000			624.000	
6	Trần Ngọc Vân	52.000	8	100%	416.000			416.000	
7	La Thị Thùy Dương	52.000	12	100%	624.000			624.000	
8	Lê Nhật Duy	52.000	12	100%	624.000			624.000	
9	Nguyễn Võ Phương Mai	52.000	12	100%	624.000			624.000	
	Tổng cộng		732		112.871.000			112.871.000	

Tổng số tiền viết bằng chữ: Một trăm mười hai triệu tám trăm bảy mươi một ngàn đồng.

KẾ TOÁN


Lê Thị Ngọc Thu

Sa Đéc, ngày 13 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Hai